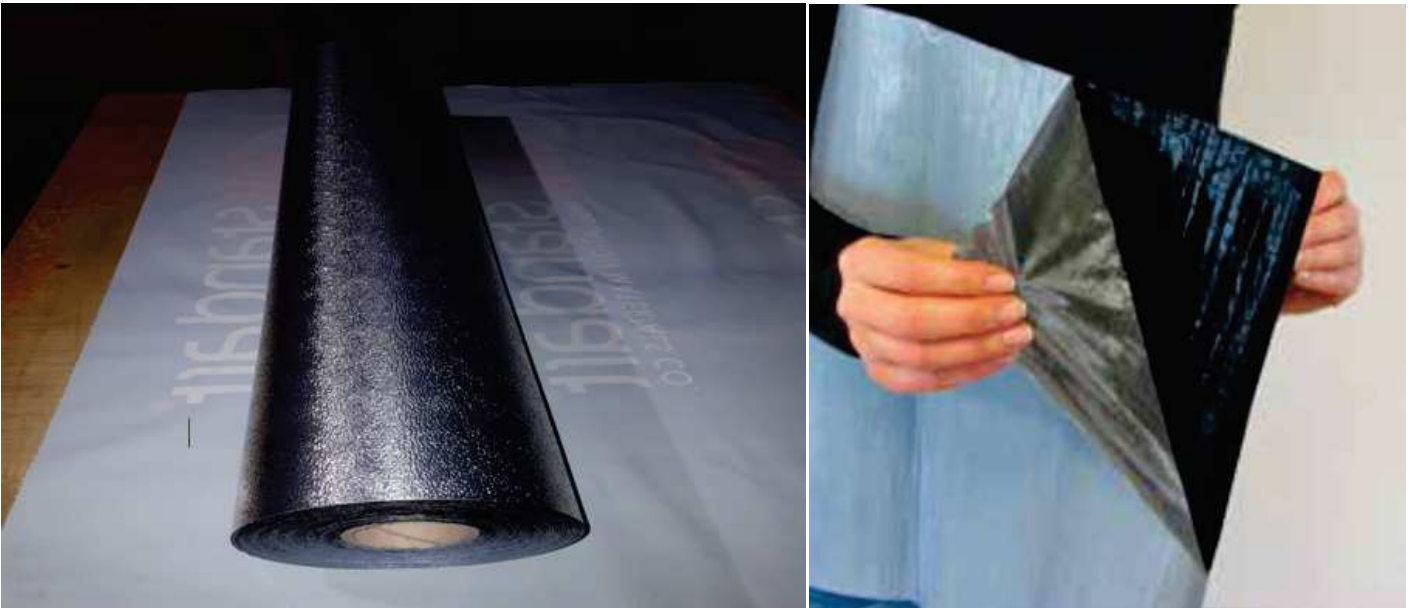


**Balcıođlu Grup Standart İzolasyon ve Yapı Materyalleri San. Tic. A.Ş. - MERSIS NO : 0781015714200017**

## MÀNG TỰ DÍNH MẶT NHÔM PANDA 1.2MM VÀ 1.5MM

Màng tự dính mặt nhôm PANDA là loại màng nhựa đàn hồi sử dụng nhựa nhiệt dẻo SBS (Styrene - Butadiene - Styrene) để tăng cường độ đàn hồi, dẻo dai của màng bitum. Do được phủ trên bề mặt màng một lớp nhôm nên loại màng này có thể chịu được ánh sáng mặt trời. Sau khi lột bỏ lớp nylon, đã có thể dán màng lên bề mặt cần chống thấm.



### LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

Do màng tự dính mặt nhôm Panda có thể bám dính vào các bề mặt khác nhau như gỗ, nhựa, thủy tinh, vữa, bê tông và nhiều vật liệu khác. Chúng cũng có thể được sử dụng trên mái nhà, tường, lan can, chụp ống khói, mái hiên, tường đầu hồi, khe nứt trên mái nhà ngói, chống thấm sàn tàu, công nghiệp ô tô..., đặc biệt là những vị trí mà không được phép sử dụng nhiệt. Màng tự dính mặt nhôm Panda có thể dễ dàng được ứng dụng trên những vị trí góc cạnh, nhỏ, khó thi công. Bề mặt dưới tự dính của nó có thể bám chắc trên các tấm cách nhiệt (XPS, EPS...) và các vật liệu không chịu nhiệt như nhựa và gỗ. Ngoài ra, chúng cũng được ứng dụng một cách dễ dàng trên bề mặt cong và nghiêng.

**Balcıođlu Grup Standart İzolasyon ve Yapı Materyalleri San. Tic. A.Ş. - MERSIS NO : 0781015714200017**

## ĐẶC TÍNH

Với khả năng tự dính, độ kín nước và khả năng chịu biến động kết cấu, màng Panda mang đến những giải pháp thiết thực cho nhiều hạng mục, vị trí. Nhờ tính linh hoạt nên màng Panda được ứng dụng linh hoạt trên các bề mặt cong hoặc nghiêng. Màng Panda được sản xuất dưới dạng cuộn có chiều rộng 1m và chiều dài 10m hoặc 15m. Màng có thể dính ngay khi lớp nylon được lột bỏ. Nhưng để có độ bám dính tốt, bề mặt thi công phải khô và sạch. Trên các bề mặt bê tông, nên quét lót bằng lớp sơn lót Primer Panda trước khi dán màng và sau khi lớp sơn lót khô, mới được dán màng Panda.

Tên sản phẩm			1.2MM	1.5MM
Đặc tính	Đơn vị	Phương pháp thử		
Cốt gia cường (chịu tải)			-	-
Độ dày	mm	EN 1849-1	1,2	1,5
Độ rộng cuộn	m	EN 1848-1	1	1
Chiều dài cuộn	m	EN 1848-1	15	15
Khuyết tật có thể nhìn thấy	-----	EN 1850-1	Không	Không
Độ bền nhiệt (tối thiểu)	°C	EN 1110	100	100
Khả năng linh hoạt lạnh	°C	EN 1109	>-20	>-20
Không thấm nước	-	EN 1928	√	√
Độ bền căng dọc (tối thiểu)	N/5cm	EN 12311-1	400	400
Độ bền căng ngang (tối thiểu)	N/5cm	EN 12311-1	300	300
Giãn dọc	%	EN 12311-1	15	15
Giãn ngang	%	EN 12311-1	15	15
Chịu tải tĩnh	kg	EN 12730	Tối thiểu 15	Tối thiểu 15
Độ bền xé	N/50mm	EN 12310-1	150(±%50)	150(±%50)
Chịu va đập	m	EN 12691	Tối thiểu 1000	Tối thiểu 1000
Biến đổi hướng	mm	EN 1848-1	Tối đa 20	Tối đa 20
Phản ứng với lửa	-	EN 13501-1	E	E
Mặt trên			Lớp nhôm	Lớp nhôm
Mặt dưới			Lớp nylon	Lớp nylon

**Balcıođlu Grup Standart İzolasyon ve Yapı Materyalleri San. Tic. A.Ş. - MERSIS NO : 0781015714200017**

## LƯU TRỮ VÀ BẢO QUẢN

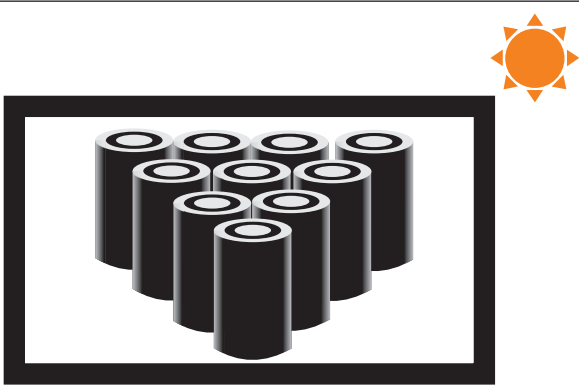
Các cuộn màng nên được lưu trữ theo chiều thẳng đứng.

Ngoài ra, trong quá trình vận chuyển chúng cũng nên được xếp theo chiều thẳng đứng.

Không nên xếp chồng các cuộn màng lên nhau để tránh các cuộn màng bị móp, méo.

Các cuộn màng cần được bảo vệ để không bị chảy do ánh nắng trực tiếp (tia cực tím).

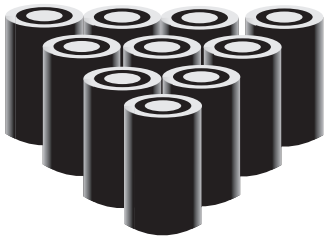
Chúng cần được để tránh xa các nguồn nhiệt và phải được bảo vệ khỏi sự thay đổi nhiệt độ đột ngột



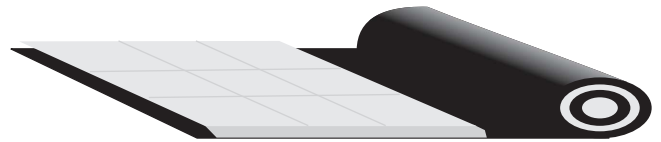
*Các cuộn màng nên được lưu trữ theo chiều thẳng đứng.  
Ngoài ra, trong quá trình vận chuyển chúng cũng nên được xếp theo chiều thẳng đứng.*



*Không nên xếp chồng các cuộn màng lên nhau để tránh các cuộn màng bị móp, méo.*



*Các cuộn màng cần được bảo vệ để không bị chảy do ánh nắng trực tiếp (tia cực tím).*



*Chúng cần được để tránh xa các nguồn nhiệt và phải được bảo vệ khỏi sự thay đổi nhiệt độ đột ngột*